

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DABOSA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DABOSA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DABOSA GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: DABOSA GROUP., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110668093

3. Ngày thành lập: 29/03/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 2 - OBT2, Khu đô thị Bắc Linh Đàm, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0869659026

Fax:

Email: dabosagroup@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa. (Trừ hoạt động đấu giá và môi giới chứng khoán)	4610
2.	Bán buôn thực phẩm	4632
3.	Bán buôn đồ uống	4633
4.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (Trừ thiết bị, phần mềm nguy trang dùng để ghi âm, ghi hình, định vị)	4651
5.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ hợp báo)	8230
6.	Dịch vụ đóng gói (Trừ đóng gói bảo quản dược liệu)	8292
7.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh. (Điều 28 Luật Thương mại năm 2005) (Trừ hoạt động đấu giá độc lập, dịch vụ báo cáo tòa án, dịch vụ lấy lại tài sản và các hoạt động Nhà nước cấm)	8299
8.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552

9.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại.	8559
10.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Dịch vụ tư vấn du học. (Chương VIII Nghị định 46/2017/NĐ-CP quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục)	8560(Chính)
11.	Lập trình máy vi tính	6201
12.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
13.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
14.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
15.	Cổng thông tin Chi tiết: - Trang thông tin điện tử; (Khoản 21 Điều 3 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng) - Mạng xã hội. (Khoản 22 Điều 3 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng) (Trừ hoạt động báo chí)	6312
16.	Môi giới hợp đồng hàng hoá và chứng khoán Chi tiết: Môi giới hợp đồng hàng hóa. (Trừ môi giới chứng khoán)	6612
17.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư. (Trừ hoạt động tư vấn pháp luật, tài chính, bảo hiểm, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán)	6619
18.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản. (Khoản 1 Điều 3 Luật Kinh doanh bất động sản 2014)	6810

19.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn bất động sản (Trừ tư vấn pháp luật về bất động sản); (Điều 74 Luật Kinh doanh bất động sản 2014) - Dịch vụ môi giới bất động sản; (Mục 2 Chương IV Luật Kinh doanh bất động sản 2014) - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; (Mục 3 Chương IV Luật Kinh doanh bất động sản 2014) - Dịch vụ quản lý bất động sản. (Điều 75 Luật Kinh doanh bất động sản 2014)	6820
20.	Hoạt động tư vấn quản lý (Trừ hoạt động tư vấn pháp luật, tài chính, bảo hiểm, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán)	7020
21.	Quảng cáo (Trừ quảng cáo trên không và hoạt động quảng cáo các sản phẩm, dịch vụ nhà nước cấm)	7310
22.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Trừ các loại thông tin Nhà Nước cấm và dịch vụ điều tra thu thập ý kiến về các sự kiện chính trị)	7320
23.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
24.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động phiên dịch và biên dịch (dịch thuật ngôn ngữ); - Hoạt động của các tác giả sách khoa học và công nghệ; - Hoạt động môi giới bản quyền (sắp xếp cho việc mua và bán bản quyền); - Môi giới thương mại (Trừ môi giới bất động sản, môi giới hôn nhân gia đình có yếu tố người nước ngoài, môi giới đưa người đi lao động học tập ở nước ngoài, môi giới cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động); - Môi giới chuyển giao công nghệ; (Khoản 1 Điều 45 Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017); - Tư vấn chuyển giao công nghệ; (Khoản 2 Điều 45 Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017) (Trừ hoạt động của những nhà báo độc lập, thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng, tư vấn chứng khoán)	7490
25.	Bán buôn tổng hợp	4690
26.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: - Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket) - Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket) - Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4719

27.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động đấu giá)	4721
28.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động đấu giá)	4722
29.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động đấu giá)	4723
30.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ kinh doanh vàng, súng đạn, tem bưu chính, tiền kim khí và hoạt động đấu giá)	4791
31.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá và các hàng hoá nhà nước cấm kinh doanh)	4799
32.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
33.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô. (Điều 8 Nghị định 10/2020/NĐ-CP quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô)	4932
34.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô. (Điều 9 Nghị định 10/2020/NĐ-CP quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô)	4933
35.	Vận tải đường ống	4940
36.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
37.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
38.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
39.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ kinh doanh bất động sản)	5210
40.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; - Dịch vụ Logistics; (Nghị định 163/2017/NĐ-CP quy định về kinh doanh dịch vụ logistics) - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay; - Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu (Trừ các hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải đường hàng không).	5229
41.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
42.	Cơ sở lưu trú khác Chi tiết: - Chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động, lều quán, trại dùng để nghỉ tạm - Cơ sở lưu trú khác chưa được phân vào đâu	5590
43.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610

44.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (Trừ cung cấp suất ăn hàng không)	5621
45.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: - Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng trong khoảng thời gian cụ thể; - Cung cấp suất ăn theo hợp đồng; - Hoạt động nhượng quyền cung cấp đồ ăn uống tại các cuộc thi đấu thể thao và các sự kiện tương tự. (Trừ cung cấp suất ăn hàng không)	5629
46.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
47.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Trừ hoạt động của các Trung tâm giới thiệu lao động, việc làm)	7810
48.	Cung ứng lao động tạm thời Chi tiết: Cho thuê lại lao động. (Chương IV Nghị định 145/2020/NĐ-CP hướng dẫn Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động)	7820
49.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: - Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước; - Hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. (Điều 8 Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng 2020)	7830
50.	Đại lý du lịch Chi tiết: Kinh doanh đại lý lữ hành. (Điều 40 Luật Du lịch năm 2017)	7911
51.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội, kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế; (Điều 30 Luật Du lịch năm 2017) - Hướng dẫn viên du lịch nội địa, hướng dẫn viên du lịch quốc tế. (Điều 58 Du lịch năm 2017)	7912
52.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
53.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ thiết bị, phần mềm nguy trang dùng để ghi âm, ghi hình, định vị và hoạt động đấu giá)	4741
54.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động đấu giá)	4761

6. Vốn điều lệ: 6.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

Thời gian đăng từ ngày 30/03/2024 đến ngày 29/04/2024

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 600.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	HOÀNG AN KHÁNH	Phòng 1622, Tòa Park 12 Vinhomes Times City Park Hill Premium, Số 458 Đường Minh Khai, Phường Mai Động, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	64.000	640.000.000	10,667	001202019666	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	64.000	640.000.000	10,667		
2	ĐOÀN QUANG QUÂN	Đường Trần Quốc Chấn, Khu dân cư Khang Thọ, Phường Chí Minh, Thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	72.000	720.000.000	12,000	030097012373	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	72.000	720.000.000	12,000		

3	ĐÀO THỊ THU THANH	Khu 6, Xã Phú Lộc, Huyện Phú Ninh, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	5,000	025178001460
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	30.000	300.000.000	5,000	
4	VŨ THỊ HẠNH	B612, Chung cư Tecco SkyVille Tower, Đường Quang Lai, Xã Ngũ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	5,000	037181001390
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	30.000	300.000.000	5,000	
5	TRẦN VĂN HOÀN	Thôn Trung Hưng, Xã Mai Trung, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	5,000	024093012659
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	30.000	300.000.000	5,000	

6	NGUYỄN MINH QUÝ	Phòng 2008 VP2 Linh Đàm, Đường Nguyễn Duy Trình, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	306.000	3.060.000.000	51,000	0270800087 50
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	306.000	3.060.000.000	51,000	
7	HOÀNG THỊ HOA	Xóm 11, Xã Hải Anh, Huyện Hải Hậu, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	20.000	200.000.000	3,333	0361920053 74
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	20.000	200.000.000	3,333	
8	NGUYỄN THỊ TÂM HUYỀN	Phòng 503, Tòa B2, Chung cư Tecco Garden, Đường Quang Lai, Xã Tứ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	48.000	480.000.000	8,000	0011830361 21
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	48.000	480.000.000	8,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

